

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 04/8/2022  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Ân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Kim Niệm;

Bà Trần Thị Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 522/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1987; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương.

**- Bị đơn:** Ông Vũ Văn T, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và Ông Vũ Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã (nay là thành phố) Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 06 tháng 10 năm 2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không thông cảm cho nhau. Ông T thường xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, bà và ông T không còn chung sống với nhau mà đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng

đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà quyết định ly hôn với Ông Vũ Văn T.

Về con chung: Bà và Ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải và biên bản hòa giải, bị đơn Ông Vũ Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về thời gian kết hôn và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Với yêu cầu xin ly hôn của bà A, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà A không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có yêu cầu phản tố với bà A.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và Ông Vũ Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà A và ông T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông T. Bị đơn ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn, còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Viện kiểm sát xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông T đã trầm trọng, không còn hàn gắn được nữa, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về con chung: Ông T và bà A không có con chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị A là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và kiến nghị khắc phục về thời hạn chuẩn bị xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị A về việc ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn Ông Vũ Văn T đang thường trú tại xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn Bà Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn Ông Vũ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị A và bị đơn Ông Vũ Văn T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã (nay là thành phố) Đ, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên nguyên đơn Bà Nguyễn Thị A xin ly hôn với bị đơn Ông Vũ Văn T.

[4] Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã AB, huyện P ngày 06 tháng 5 năm 2022 thì Ông T và Bà A chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã (nay là thành phố) Đ, tỉnh Bình Phước. Nguyên nhân phát sinh của việc tranh chấp ly hôn giữa Ông T và Bà A thì chính quyền địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, cũng không trình báo sự việc hay đề nghị chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Hiện tại, Bà A và Ông T đã sống ly thân.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của Bà A và Ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị A về việc ly hôn với bị đơn Ông Vũ Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Ông T và Bà A không có con chung.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị A đối với bị đơn Ông Vũ Văn T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với Ông Vũ Văn T.

3. Về con chung: Bà Nguyễn Thị A và Ông Vũ Văn T không có con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do Bà Nguyễn Thị A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043796 ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Ân**